

SỞ Y TẾ BẮC GIANG  
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH  
THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ATTP-NV  
V/v hướng dẫn thủ tục hành chính  
về an toàn thực phẩm

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc tuyến tỉnh quản lý theo phân cấp.

Căn cứ Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (ATTP) thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3 Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Công văn số 2141/UBND-NC ngày 14/5/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc đẩy mạnh thanh toán trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) tại bộ phận 1 cửa các cấp; Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc công bố Bộ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế Bắc Giang;

Căn cứ Công văn 1229/SYT-NVY ngày 11/7/2019 của Sở Y tế Bắc Giang về việc triển khai Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang; Công văn số 2503/SYT-NVY ngày 14/7/2021 của Sở Y tế về việc triển khai Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Công văn số 2067/SYT-QLNH ngày 08/7/2022 của Sở Y tế Bắc Giang hướng dẫn tạm thời các đặt tên file khi nộp hồ sơ trực tuyến phục vụ số hoá; Công văn số 2068/SYT-QLNH ngày 08/7/2022 của Sở Y tế Bắc Giang về việc hướng dẫn tạm thời cách đặt tên file là kết quả giải quyết TTHC;

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) tỉnh Bắc Giang hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc tuyến tỉnh quản lý theo phân cấp một số nội dung thực hiện khi đề nghị giải quyết cấp các TTHC về ATTP thuộc nhiệm vụ giải quyết của đơn vị, như sau:

**1. Về thực hiện nộp hồ sơ đề nghị giải quyết TTHC về ATTP và hình thức nộp phí, lệ phí**

- Danh mục các TTHC về ATTP thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang, chi tiết phụ lục 1 gửi kèm theo;

- Đề nghị các doanh nghiệp lưu ý, đối với các TTHC tại phụ lục 1 khi thực hiện nộp hồ sơ đề nghị giải quyết THCC sử dụng 1 trong các hình thức sau:

\* Hình thức nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Giang có địa chỉ: **dichvucong.bacgiang.gov.vn**:

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị giải quyết đối với TTHC về ATTP tiến hành truy cập cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Bắc Giang (**dichvucong.bacgiang.gov.vn**), tiến hành đăng ký tài khoản, khai báo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, cá nhân theo yêu cầu của hệ thống; tiến hành đăng nhập; nhập thông tin và đính các thành phần hồ sơ theo yêu cầu, thực hiện nộp hồ sơ theo quy định;

+ Nộp phí, lệ phí: Đề nghị nộp phí, lệ phí cấp TTHC theo quy định hiện hành bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng chuyển khoản tại ngân hàng hoặc sử dụng dịch vụ Internet Banking hoặc sử dụng các ứng dụng chuyển tiền trực tuyến (*ứng dụng cụ thể do Trung tâm Phục hành chính công tỉnh Bắc Giang lựa chọn*) để chuyển tiền phí, lệ phí giải quyết TTHC vào tài khoản của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang như sau:

(+) Số tài khoản: **1013687733**;

(+) Tại: **Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Bắc Giang**;

(+) Thông tin đơn vị thụ hưởng: **Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang**.

\* Hình thức sử dụng dịch vụ bưu chính công ích: Tổ chức, cá nhân liên hệ với các đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để gửi hồ sơ đề nghị cấp TTHC về ATTP về Cửa số 14-15 (*Sở Y tế Bắc Giang*) - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bắc Giang - địa chỉ: Quảng Trường 3/2, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo quy định.

## **2. Về hướng dẫn xây dựng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp TTHC**

Qua quá trình theo dõi quyết cấp đối với các TTHC về ATTP thuộc trách nhiệm của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang trong những năm qua, chỉ có TTHC "*Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*" là thường xuyên phát sinh hồ sơ. Vì vậy, để thuận tiện cho doanh nghiệp tham khảo khi xây dựng hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống theo quy định, Chi cục ATVSTP cung cấp 02 hồ sơ mẫu như sau:

- Mẫu 1: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP áp dụng *đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP*;

- Mẫu 2: Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP áp dụng đối với ***cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***;

(Có 02 hồ sơ mẫu gửi kèm theo).

### **3. Thực hiện đặt tên file dữ liệu khi nộp hồ sơ trực tuyến**

- Đối với loại giấy tờ, tài liệu thuộc thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết cấp TTHC và các tài liệu liên quan (nếu có) phải được scan dạng file.PDF (phiên bản từ 1.4 trở lên);

- Cách đặt tên file của các thành phần hồ sơ như sau:

***<mã số định danh của tổ chức<sup>1</sup>, cá nhân<sup>2</sup>>.TPHS<sup>3</sup>.<tên giấy tờ số hoá<sup>4</sup>>.pdf.***

+ Cụ thể:

<sup>1</sup>. *Mã số định danh của tổ chức*: Là mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho doanh nghiệp trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh);

<sup>2</sup>. *Mã định danh cá nhân*: Là mã số hộ kinh doanh do Phòng Tài chính thuộc UBND huyện, thành phố cấp cho hộ kinh doanh;

\* *Trong trường hợp không thể xác định được mã số định danh của tổ chức, cá nhân thì tạm thời để giá trị "KXD".*

<sup>3</sup>. *TPHS*: Là viết tắt của thành phần hồ sơ của TTHC quy định;

<sup>4</sup>. *Tên giấy tờ số hoá*: Là mã hồ sơ do tổ chức, cá nhân tự đặt hoặc là giấy tờ sinh ra tự động từ máy scan hoặc sinh ra tự động từ phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp;

- Hướng dẫn cách ghi chi tiết của từng TTHC cụ thể tại phụ lục 2 gửi kèm theo.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn liên hệ với cán bộ 1 cửa của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang, số điện thoại 02043.555.760 để được hướng dẫn thực hiện./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở Y tế (B.cáo);
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Y tế (P/hợp);
- Phòng QLHNYDTN;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các phòng thuộc Chi cục;
- Website của Chi cục;
- Lưu: VT, NV.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Anh Tuấn**

## Phụ lục 1:

**DANH MỤC**  
**TTTC chính về ATTP và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền**  
**giải quyết cấp của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang**  
(Kèm theo Công văn số /ATTP-NV ngày /7/2022  
của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ chế giải quyết	Thời hạn giải quyết	Dịch vụ công trực tuyến
1	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Một cửa	7	Cấp độ 4
2	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	Một cửa	7	Cấp độ 4
3	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Một cửa	10	Cấp độ 4
4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Một cửa	15	Cấp độ 3

**Phụ lục 2:**

**HƯỚNG DẪN CÁCH ĐẶT TÊN FILE THÀNH PHẦN HỒ SƠ KHI NỘP TRỰC TUYẾN**

*(Kèm theo Công văn số /ATTP-NV ngày /7/2022 của Chi cục ATVSTP tỉnh Bắc Giang)*

<b>T T</b>	<b>Tên thủ tục</b>	<b>Thành phần hồ sơ</b>		<b>Các đặt tên file theo thành phần hồ sơ theo đường dẫn như sau</b>	<b>Ghi chú</b>									
		<b>TT</b>	<b>Tên loại giấy tờ, tài liệu</b>											
1.	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	1.	Bản công bố sản phẩm ( <b>BCBSP</b> ) được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP	<p align="center"><b>MSDN.TPHS.BCBSP</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCBSP</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCBSP</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>tên bản công bố</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	tên bản công bố	
		<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>										
		<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>										
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	tên bản công bố												
2.	Giấy chứng nhận lưu hành tự do ( <b>GCNLH</b> ) (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự).	<p align="center"><b>MSDN.TPHS.GCNLH</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>GCNLH</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>GCNLH</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Giấy chứng nhận lưu hành tự do</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNLH</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNLH</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy chứng nhận lưu hành tự do			
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNLH</b>												
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNLH</b>												
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy chứng nhận lưu hành tự do												
3.	Phiếu kết quả kiểm nghiệm ( <b>PKQKN</b> ) ATTP của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các	<p align="center"><b>MSDN.TPHS.PKQKN</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>PKQKN</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>PKQKN</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Phiếu kết quả kiểm nghiệm</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Phiếu kết quả kiểm nghiệm			
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>												
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>												
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Phiếu kết quả kiểm nghiệm												

			quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).										
		4.	Bằng chứng khoa học ( <b>BCKH</b> ) chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.BCKH</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th><b>MSDN</b></th> <th><b>TPHS</b></th> <th><b>BCKH</b></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCKH</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Bằng chứng khoa học</td> </tr> </tbody> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Bằng chứng khoa học
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Bằng chứng khoa học											
2.	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ	1.	Bản công bố sản phẩm ( <b>BCBSP</b> ) theo quy định	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.BCBSP</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th><b>MSDN</b></th> <th><b>TPHS</b></th> <th><b>BCBSP</b></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCBSP</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>tên bản công bố</td> </tr> </tbody> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	tên bản công bố
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCBSP</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	tên bản công bố											

	<p>ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	2.	<p>Phiếu kết quả kiểm nghiệm (<b>PKQKN</b>) của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực).</p>	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.PKQKN</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>PKQKN</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>PKQKN</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Phiếu kết quả kiểm nghiệm</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Phiếu kết quả kiểm nghiệm
		<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>									
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>PKQKN</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Phiếu kết quả kiểm nghiệm											
3.	<p>Bằng chứng khoa học (<b>BCKH</b>) chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu.</p>	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.BCKH</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCKH</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>BCKH</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Bằng chứng khoa học</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Bằng chứng khoa học		
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BCKH</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Bằng chứng khoa học											
3.	<p>Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực</p>	1.	<p>Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo (<b>ĐKXNQC</b>) theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP.</p>	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.ĐKĐQC</b></p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>ĐKĐQC</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS.</b></td> <td><b>ĐKĐXQC</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐKĐQC</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS.</b>	<b>ĐKĐXQC</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐKĐQC</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS.</b>	<b>ĐKĐXQC</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo											

phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2.	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm ( <b>GTNĐKSP</b> ) đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP còn hiệu lực (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.GTNĐKSP</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>GTNĐKSP</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>GTNĐKSP</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GTNĐKSP</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GTNĐKSP</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm	
	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GTNĐKSP</b>										
	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GTNĐKSP</b>										
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm											
3.	Mẫu nhãn sản phẩm ( <b>MNSP</b> ) (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân).	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.MNSP</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>MNSP</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>MNSP</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Mẫu nhãn sản phẩm</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>MNSP</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>MNSP</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Mẫu nhãn sản phẩm		
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>MNSP</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>MNSP</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Mẫu nhãn sản phẩm											
4.	Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong đĩa hình, đĩa âm thanh; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân) ( <b>KB</b> )	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.KB</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>KB</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>KB</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Kịch bản, nội dung dự kiến quảng cáo</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>KB</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>KB</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Kịch bản, nội dung dự kiến quảng cáo		
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>KB</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>KB</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Kịch bản, nội dung dự kiến quảng cáo											
4.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất	1	Đơn đề nghị ( <b>ĐĐN</b> ) cấp Giấy chứng nhận ( <i>Mẫu số 1, ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ</i> ).	<p style="text-align: center;"><b>MSDN.TPHS.ĐĐN</b></p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <table border="1"> <tr> <td><b>MSDN</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>ĐĐN</b></td> </tr> <tr> <td><b>24008137xx</b></td> <td><b>TPHS</b></td> <td><b>ĐĐN</b></td> </tr> <tr> <td>Mã số doanh nghiệp</td> <td>Thành phần hồ sơ</td> <td>Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận</td> </tr> </table>	<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐĐN</b>	<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐĐN</b>	Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận
<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐĐN</b>											
<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>ĐĐN</b>											
Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận											



thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2.	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ( <b>GCNĐK</b> ) có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở).	<b>MSDN.TPHS.GCNĐK</b>		
			<i>Vi dụ:</i>		
			<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNĐK</b>
			<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GCNĐK</b>
			Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
	3.	Bản thuyết minh ( <b>BTM</b> ) về cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh ATTP.	<b>MSDN.TPHS.BTM</b>		
			<i>Vi dụ:</i>		
			<b>MSND</b>	<b>TPHS</b>	<b>BTM</b>
			<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>BTM</b>
			Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Bản thuyết minh
	4.	Giấy xác nhận đủ sức khỏe ( <b>GXNSK</b> ) của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.	<b>MSDN.TPHS.GXNSK</b>		
			<i>Vi dụ:</i>		
			<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GXNSK</b>
			<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GXNSK</b>
			Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy xác nhận sức khỏe
	5.	Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở ( <b>GXNKT</b> ).	<b>MSDN.TPHS.GXNKT</b>		
			<i>Vi dụ:</i>		
			<b>MSDN</b>	<b>TPHS</b>	<b>GXNKT</b>
			<b>24008137xx</b>	<b>TPHS</b>	<b>GXNKT</b>
			Mã số doanh nghiệp	Thành phần hồ sơ	Giấy xác nhận kiến thức

